

Số: **564**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **08** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ chỉ tiêu đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án "Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia";

Căn cứ Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/07/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ tiêu đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Bộ chỉ tiêu đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Yên Bái được sử dụng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Xây dựng nền tảng số phục vụ việc tổng hợp, phân tích, đánh giá, hiển thị số liệu chuyển đổi số tỉnh Yên Bái, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương cung cấp thông tin số liệu có liên quan; thực hiện chia sẻ số liệu cho các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương: Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện các chỉ tiêu; cung cấp thông tin, số liệu theo kỳ báo cáo tại biểu Chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số tỉnh Yên Bái kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các ban, sở, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *hm*

Nơi nhận: *nh*

- Như điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, VX.




Trần Huy Tuấn




BỘ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH YÊN BÁI
(Ban hành kèm theo Quyết định số **564/QĐ-UBND** ngày **08** tháng **4** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đơn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
I	Chính quyền số (23 chỉ tiêu)				
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	6 tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Tỷ lệ các giao dịch trên Cổng dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã được xác thực điện tử.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đơn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Ban Điều hành ĐTTM)	UBND các huyện, thị xã, thành phố.
9	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định.	Tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tỷ lệ báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Điều hành Thông minh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
11	Tỷ lệ tài liệu lưu trữ lịch sử được số hóa, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.	Quý	%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	 Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
12	Tỷ lệ hồ sơ công tác kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (<i>Trung tâm PV HCC tỉnh</i>)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
13	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	6 tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
14	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức tham gia khai thác dữ liệu và công nghệ số được phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số bằng nhiều hình thức.	6 tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh
15	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	6 tháng	%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
16	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.	6 tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (<i>Trung tâm PV HCC tỉnh</i>)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
17	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (<i>Trung tâm PV HCC tỉnh</i>)	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh

STT	 Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đơn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.	Tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm PV HCC tỉnh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
19	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.	6 tháng	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm điều hành thông minh)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
20	Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.	Quý	%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
21	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.	6 tháng	%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
22	Tỷ lệ nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến.	6 tháng	%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
23	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến.	Tháng	%	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đơn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
II	Kinh tế số (06 chỉ tiêu)				
24	Phần đầu kinh tế số chiếm 20% GRDP.	Năm	%	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
25	Năng suất lao động.	Năm	%	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
26	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	Tháng	%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông
27	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.	Tháng	%	Cục Thuế tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư
28	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	Tháng	%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh
29	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ.	Tháng	%	Cục Thuế tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương
III	Xã hội số (11 chỉ tiêu)				
30	Tỷ lệ tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử.	Tháng	%	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Yên Bái	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các ngân hàng thương mại; các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan.

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đơn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
31	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.				
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	Quý	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kho Bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn ngoài đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	Quý	%		
32	Tỷ lệ cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.				
-	Tỷ lệ cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	Quý	%	Sở Y tế	Kho Bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan
-	Tỷ lệ cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn ngoài đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	Quý	%		
33	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang.	Quý	%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp Viễn thông

STT	Chỉ tiêu	Kỳ	Đơn vị tính	Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu về kết quả thực hiện các chỉ tiêu	Cơ quan, đơn vị phối hợp
34	Tỷ lệ phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng di động	Quý	%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp Viễn thông
35	Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ di động bằng thiết bị thông minh.	Quý	%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp Viễn thông
36	Tỷ lệ người dân dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh.	Quý	%	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Điều hành thông minh)	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan
37	Tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.	Quý	%	Ngân hàng Nhà nước tỉnh Yên Bái	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các ngân hàng thương mại; các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan.
38	Tỷ lệ cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.	Quý	%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì đôn đốc, tổng hợp, cung cấp số liệu:

- Gửi trực tiếp thông tin, số liệu về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đối với thông tin, số liệu của các chỉ tiêu có kỳ báo cáo hằng tháng thì định kỳ ngày 25 hằng tháng gửi báo cáo;
- Đối với chỉ tiêu có kỳ báo cáo hằng quý thì định kỳ ngày 25 tháng cuối của quý gửi báo cáo;

- Đối với chỉ tiêu có kỳ báo cáo định kỳ 6 tháng thì định kỳ ngày 25 của tháng cuối cùng trong kỳ báo cáo gửi báo cáo;
- Định kỳ ngày 25/12 hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trong năm.
- Tổng hợp báo cáo trong trường hợp đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Thông tin và Truyền thông.